

**KỶ NIỆM 73 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG
NGÀNH THỦY LỢI VIỆT NAM
(28/8/1945-28/8/2018)**

GS.TS Nguyễn Văn Tĩnh

Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi

Việt Nam là quốc gia chịu tác động trực tiếp của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng, ẩm, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, tổng lượng mưa năm lớn nhưng phân bố không đều về thời gian và không gian. Hạn hán, xâm nhập mặn và cạn kiệt về mùa khô, mưa, bão gây ra lũ, ngập lụt nghiêm trọng vào mùa mưa, những cảnh báo về biến đổi khí hậu càng làm diễn biến thiên tai phức tạp hơn. Mặt khác, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và gia tăng dân số cũng như kinh tế - xã hội càng phát triển thì yêu cầu về cấp nước, tiêu nước càng trở nên cấp thiết.

Với đặc thù dân số đông, nền sản xuất nông nghiệp truyền thống trồng lúa nước quy mô nhỏ lẻ, tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp không lớn. Để bảo đảm đời sống, các hệ thống công trình thủy lợi để phòng, chống thiên tai, bảo đảm tưới, tiêu đã được Tổ tiên người Việt xây dựng và phát triển từ buổi đầu dựng nước, tạo ra nền văn minh lúa nước sớm ở khu vực Đông Nam Á. Phát triển thủy lợi là phát triển công trình hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần quan trọng làm tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, tiêu nước, chống ngập lụt góp phần phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra góp phần phát triển bền vững kinh tế xã hội.

Qua 73 năm phát triển, tổ chức quản lý nhà nước về thủy lợi từ Trung ương đến địa phương không ngừng được hoàn thiện. Ở

Trung ương, có Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Phòng, chống thiên tai trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ở cấp tỉnh, có Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp huyện có Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế. Hệ thống quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cả nước có 3 doanh nghiệp trực thuộc Bộ, 94 tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh, khoảng 21.000 tổ chức dùng nước.

Nhằm phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, có năng lực tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, hài hòa về cơ cấu và cân đối theo từng lĩnh vực ngành, vùng miền, lãnh thổ và gắn với yêu cầu hội nhập quốc tế. Đến nay, có Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, Trường Đại học Thủy lợi và các trường cao đẳng đang thực hiện đào tạo các lĩnh vực của ngành thủy lợi với nhiều nội dung, chương trình được cải tiến. Bên cạnh các bậc đào tạo chuyên nghiệp, các chương trình bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công nhân quản lý khai thác được triển khai thường xuyên.

Chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực thủy lợi, trong đó có các công nghệ mới của nước ngoài đã và đang tiếp tục được triển khai góp phần giảm giá thành đầu tư, tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả công trình, nhiều công nghệ mới tiên tiến của thế giới được ứng dụng và chuyển giao thành công vào thực tiễn tại các địa phương, đội ngũ cán bộ nghiên cứu thủy lợi từng bước

đáp ứng yêu cầu giải quyết các nhiệm vụ phức tạp.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Định hướng Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam, cùng với quy hoạch thủy lợi các lưu vực sông, các vùng địa bàn, các hệ thống thủy lợi trên phạm vi toàn quốc đã được lập, phê duyệt và được định kỳ rà soát, điều chỉnh, làm căn cứ cho việc đầu tư công tác thủy lợi qua các giai đoạn phát triển thủy lợi.

Ngay từ năm 1954, khi miền Bắc được giải phóng, chính quyền đã nhanh chóng khôi phục các hệ thống thủy lợi bị chiến tranh tàn phá, đẩy mạnh xây dựng các công trình thủy lợi, như: các hồ chứa Cẩm Sơn, Núi Cốc, v.v...; hệ thống đại thủy nông Bắc Hưng Hải, hệ thống thủy lợi Sông Nhuệ, các hệ thống trạm bơm lớn ở Bắc Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, v.v..., với diện tích phục vụ tưới, tiêu đến vài trăm ngàn ha đất. Năm 1975, khi hai miền Nam - Bắc thống nhất, với sự tăng cường của lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật từ miền Bắc, công tác quy hoạch và xây dựng các hệ thống thủy lợi đã được triển khai mạnh mẽ ở miền Nam và Miền Trung, tạo ra bước đột phá về phát triển thủy lợi trong phạm vi cả nước, các công trình điển hình được xây dựng ở các vùng Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên, Gò Công, Bán đảo Cà Mau; tại các lưu vực sông Nam Thạch Hãn, Hương, Vu Gia-Thu Bồn, Kone; các hồ chứa Sông Rác, Iayun Hạ, Easup Hạ, Dầu Tiếng, sông Quao, Định Bình, Nước Trong, Tả Trạch, Bản Mông, Cửa Đạt, cống Thảo Long, đập Vân Phong, đập Tân Mỹ v.v... Đến nay, cả nước có 904 hệ thống công trình thủy lợi có quy mô lớn và vừa với diện tích phục vụ từ 200 ha/hệ thống trở lên, trong đó có 110 hệ thống thủy lợi lớn (diện tích phục vụ trên 2.000 ha/hệ thống), 6933 hồ chứa nước với tổng dung tích trữ khoảng 70 tỷ m³ nước (6.648 hồ thủy lợi và 285 hồ chứa thủy điện), 13.400 trạm bơm điện lớn, 5.500 cống tưới, tiêu lớn, 235.000 km kênh mương, 26.000 km đê các loại cùng

khoảng 17.000 công trình cấp nước tập trung.

Hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới cho khoảng 7,553 triệu ha đất gieo trồng lúa (vụ Đông Xuân 3.093 triệu ha, Hè Thu 2,063 triệu ha, Mùa 1,657 triệu ha và Thu Đông 0,740 triệu ha), tưới cho 1,645 triệu ha rau màu, cây công nghiệp hàng năm; tạo nguồn nước cho 1,3 triệu ha đất gieo trồng; kiểm soát mặn 0,87 triệu ha; cải tạo chua phèn 1,6 triệu ha, tiêu nước cho trên 1,72 triệu ha đất nông nghiệp, hỗ trợ thoát nước cho các khu đô thị, công nghiệp, cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản 0,406 triệu ha, cung cấp khoảng 6 tỷ m³ nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, với 87,5% hộ dân khu vực nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh v.v... Ngoài ra, các hệ thống công trình thủy lợi còn tạo điều kiện phát triển đa dạng hoá cây trồng, chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và đầu tư của nhà nước, công tác thủy lợi đã đạt được những kết quả to lớn, nhưng nhiệm vụ phát triển thủy lợi cũng còn bộc lộ những hạn chế, tồn tại.

Nhiều công trình, hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng từ lâu đã bị xuống cấp. Trước đây công trình thủy lợi hiện có được thiết kế để phục vụ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ nền nông nghiệp đa dạng và hiện đại. Hệ thống thủy lợi chủ yếu tập trung cấp, tiêu nước cho cây lúa, phần lớn diện tích canh tác cây trồng cạn chưa được tưới, hoặc tưới bằng các biện pháp lạc hậu, lãng phí nước; diện tích cây trồng áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước còn hạn chế; chất lượng nước trong một số hệ thống công trình không bảo đảm để cấp cho sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn; hạ tầng thủy lợi chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Mô hình tổ chức cơ quan chuyên môn để thực

hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi và mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi ở các địa phương còn chưa thống nhất. Hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi chậm đổi mới theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi hoạt động theo phương thức giao kế hoạch, vừa thiếu công cụ giám sát cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, vừa hạn chế quyền tự chủ của doanh nghiệp. Dẫn đến, chất lượng quản trị của doanh nghiệp yếu kém, bộ máy công kênh, năng suất lao động thấp; hệ thống công trình thủy lợi bị xuống cấp nhanh, nhiều công trình cấp nước nông thôn quy mô nhỏ hoạt động không hiệu quả; chất lượng dịch vụ thấp. Hoạt động của tổ chức thủy nông cơ sở còn mang nặng tính áp đặt, thiếu sự tham gia chủ động, tích cực của người dân và sự tham gia của chính quyền địa phương, dẫn đến nhiều tổ chức thiếu bền vững. Khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy lợi chưa bám sát yêu cầu thực tiễn, việc áp dụng có hiệu quả vào thực tế còn hạn chế, chậm áp dụng công nghệ tiên tiến trong dự báo, giám sát hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt v.v... để hỗ trợ ra quyết định trong công tác điều hành phục vụ sản xuất, phòng, chống thiên tai.

Cùng với tồn tại, phát triển thủy lợi cũng đang đứng trước những thách thức lớn từ biến đổi khí hậu, từ yêu cầu của hoạt động phát triển, gồm:

Biến đổi khí hậu là tác nhân gây ra hiện tượng thiếu hụt lượng mưa, mưa trái mùa hoặc mưa tập trung cường độ cao trong thời đoạn ngắn, nắng nóng kéo dài, rét đậm, rét hại, là những nguyên nhân gây nên tình trạng dòng chảy sông suối bị suy giảm, lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, xâm nhập mặn, v.v... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và dân sinh. Một số biểu hiện thời gian qua, như sau:

- Giai đoạn mùa khô các năm 2015, 2016, lượng mưa trung bình tại khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên chỉ đạt 60-70% so với trung

bình nhiều năm (TBNN), có nơi xuống mức 50% TBNN (Ninh Thuận, Khánh Hòa);

- Cuối tháng 3/2015, các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Ngãi xuất hiện đợt mưa trái mùa, lượng mưa phổ biến đạt từ 50-100mm, một số nơi lượng mưa lớn hơn, từ 300-400mm. Mưa lớn tại Quảng Ninh xảy ra trong các tháng 7 và 8/2016, tổng lượng mưa 10 ngày lớn nhất lên đến 1.500 mm;

- Mùa khô năm 2016, dòng chảy sông Cửu Long xuống thấp nhất trong vòng 90 năm qua, một số sông khu vực Trung Bộ xuất hiện mực nước thấp nhất trong lịch sử quan trắc. Xâm nhập mặn năm 2016 ở Đồng bằng sông Cửu Long xuất hiện sớm hơn so với cùng kỳ TBNN gần 2 tháng, phạm vi xâm nhập mặn 4g/lít vào sâu trong đất liền ở khu vực sông Vàm Cỏ lớn nhất đến 100-120 km, ở các cửa sông khác từ 50-70 km, sâu hơn từ 15-20km so với TBNN; đây là kỳ xâm nhập mặn lớn nhất trong chuỗi số liệu quan trắc ở nước ta. Liên tục trong 2 năm 2015, 2016, ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, do ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, có khoảng 80.000 ha đất lúa phải dừng sản xuất (chủ yếu ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Khánh Hòa) và khoảng 500.000 ha cây trồng bị ảnh hưởng năng suất.

- Từ giữa tháng 10 đến 12/2016, khu vực miền Trung và Tây Nguyên đã xảy ra liên tiếp 5 đợt mưa, lũ lớn trên diện rộng với cường độ cực đoan, bất thường và kéo dài. Tổng lượng mưa tập trung trong 2 tháng qua nhiều nơi lớn hơn trung bình cả năm, đặc biệt một số khu vực mưa trên 2.500mm, như: Trà My (Quảng Nam) 2.611mm, Minh Long (Quảng Ngãi) 2.729mm. Mưa lớn đã làm lũ các sông lên cao, nhiều khu vực xấp xỉ mức lũ lịch sử, như: Sông Vệ, sông Kôn, sông Ba và ngập lụt nghiêm trọng ở nhiều khu vực.

- Thời gian tháng 7 và đầu tháng 8/2018, diễn biến mưa lớn gây lũ, ngập lụt, ngập úng trên diện rộng thiệt hại lớn tại nhiều tỉnh, thành phố

vùng Bắc bộ.

Hoạt động phát triển, đô thị hóa, công nghiệp hóa ở nhiều nơi đã gây sức ép lớn lên nhiệm vụ thủy lợi qua tác động làm suy giảm nguồn nước, lấn chiếm không gian cho nước, cản trở các tuyến thoát nước; làm tăng nhu cầu cấp nước, nhu cầu tiêu thoát nước; tăng rủi ro ngập lụt do nước lũ, nước mưa; gây khó khăn cho hoạt động lấy nước do mực nước bị hạ thấp, mặn xâm nhập sâu, mực nước ngầm hạ thấp, ô nhiễm nguồn nước.

Việc các quốc gia ở thượng nguồn các sông liên quốc gia triển khai đầu tư xây dựng, hoặc có kế hoạch xây dựng các hồ thủy điện, công trình lấy nước, công trình chuyển nước liên lưu vực sông, dự báo sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho vùng hạ du tại Việt Nam, đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long, như: suy giảm bùn cát dẫn đến xói lở bờ sông, bờ biển, mặt ruộng không được tôn cao hàng năm; suy giảm dòng chảy làm mực nước bị hạ thấp, dẫn đến gia tăng xâm nhập mặn, thiếu nước vào mùa khô, tăng nguy cơ lũ, ngập lụt vào mùa mưa, suy giảm phù sa bồi tụ đồng ruộng, v.v... Kết quả nghiên cứu đã được công bố năm 2017 của Hội đồng Ủy hội sông Mê Công quốc tế dự báo kế hoạch phát triển thủy điện ở thượng nguồn sông Mê Công có thể dẫn đến làm giảm 97% lượng phù sa hàng năm chuyển về vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vì vậy sẽ tác động rất lớn, không thể phục hồi trên phạm vi toàn vùng đồng bằng sông Mê Công thuộc lãnh thổ Việt Nam. Sự cố ngày 23/7/2018, vỡ đập thủy điện Xe-piêng Xe-năm-nọi trên dòng nhánh của sông Mê Công, tại tỉnh Át-ta-pư của Lào, gây ngập lụt 13 làng, làm 587 hộ gia đình, 3060 người mất chỗ ở, thống kê đến ngày 25/7/2018 đã có 131 người mất tích, là sự cố nghiêm trọng nhất tại Lào trong nhiều thập kỷ, và cũng là cảnh báo cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta trong tương lai nếu xảy ra sự cố đối với hồ thủy điện trên dòng chính sông Mê Công.

Để căn bản khắc phục các bất cập nêu trên, đồng thời, nhằm thể chế hoá đường lối đổi mới của Đảng trong các Văn kiện Đại hội đại biểu đảng toàn quốc Khóa X, khóa XI về phát triển thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu, cần có căn cứ pháp lý mà cụ thể là pháp luật về lĩnh vực thủy lợi để quy định xuyên suốt công tác thủy lợi từ lập chiến lược, quy hoạch, đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp, quản lý khai thác và bảo vệ công trình. Giai đoạn vừa qua Tổng cục Thủy lợi đã tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chính phủ, trình Quốc hội đã ban hành Luật Thủy lợi tại Kỳ họp thứ 3 Quốc hội Khóa XIV ngày 19/6/2017.

Ban hành Luật Thủy lợi, cùng 04 nghị định, 01 thông tư hướng dẫn thi hành, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực thủy lợi đã cơ bản hoàn thiện:

- Nghị định 62/2018/NĐ-CP, ngày 2/5/2018, quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
- Nghị định 67/2018/NĐ-CP, ngày 14/5/2018, quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Nghị định 77/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018, quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;
- Nghị định 96/2018/NĐ-CP, ngày 30/6/2018, quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
- Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/5/2018, quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Công tác thủy lợi thời gian tới cần tập trung triển khai nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời cũng là những nội dung chính được Luật Thủy lợi điều chỉnh, gồm:

Tiếp tục triển khai xây dựng Chiến lược thủy lợi Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, nhằm phục vụ triển khai Luật

Thủy lợi đồng bộ, hiệu quả, có tầm nhìn dài hạn. Triển khai lập, rà soát quy hoạch thủy lợi làm cơ sở đầu tư công trình thủy lợi trên toàn quốc, trong đó ưu tiên tập trung xây dựng tầm nhìn, giải pháp thủy lợi cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long thực hiện Nghị quyết 120 của Chính phủ.

Xã hội hóa công tác thủy lợi: Trong điều kiện nguồn lực đất nước có hạn, để đáp ứng nhu cầu đầu tư công trình thủy lợi, đặc biệt đối với các hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, cấp nước sinh hoạt nông thôn. Chính sách xã hội hóa sẽ tạo động lực cho khu vực tư nhân, cộng đồng tham gia vào đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước nông thôn, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Huy động nguồn lực của toàn xã hội tham gia công tác thủy lợi sẽ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ thủy lợi, phát huy tối đa hiệu quả và kéo dài tuổi thọ của công trình, nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Chuyển từ cơ chế “thủy lợi phí” sang “giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi”: Cơ chế giá dịch vụ thủy lợi là cơ sở pháp lý để thu đúng, thu đủ từ các dịch vụ thủy lợi phục vụ sản xuất kinh doanh, tăng thu cho ngân sách nhà nước để tập trung đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi trong bối cảnh ngân sách nhà nước có hạn, nhu cầu đầu tư xây dựng công trình thủy lợi còn rất lớn, đặc biệt trong điều kiện biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn gay gắt và yêu cầu sử dụng nước ngày càng cao. Cơ chế giá sẽ đưa công tác thủy lợi tiếp cận với cơ chế thị trường, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế khác tham gia hoạt động thủy lợi, tạo động lực cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tốt hơn; giúp người sử dụng dịch vụ hiểu rõ bản chất hàng hóa của nước, coi dịch vụ thủy lợi là chi phí đầu vào trong sản xuất, gắn trách nhiệm giữa bên cung cấp và bên sử dụng dịch vụ thủy lợi; góp phần nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Phân rõ vai trò chủ quản lý và đơn vị khai thác công trình thủy lợi: Hiện nay, nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi được giao cho các Công ty Khai thác công trình thủy lợi, nên Công ty vừa là chủ quản lý, vừa thực hiện nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi, hoạt động theo cơ chế giao kế hoạch, dẫn đến thiếu động lực cạnh tranh, năng suất, hiệu quả của công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi thấp, công trình thủy lợi tiếp tục bị xuống cấp. Để chuyển công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo cơ chế thị trường, thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu và chuyển giao công trình thủy lợi, đòi hỏi phải chuyển chủ quản lý công trình thủy lợi là cơ quan quản lý Nhà nước. Với quy định tại Luật Thủy lợi, chủ quản lý công trình thủy lợi sẽ tổ chức lựa chọn đơn vị khai thác công trình thủy lợi theo hình thức đặt hàng, đấu thầu, tạo sự công bằng, bình đẳng giữa các tổ chức của nhà nước và các thành phần kinh tế khác trong hoạt động khai thác công trình thủy lợi.

Đổi mới phương thức hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi: Thay đổi phương thức hoạt động, chuyển mạnh sang đặt hàng, đấu thầu trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Chuyển đối tượng phục vụ sang các hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cao, như: cấp nước cho công nghiệp, sinh hoạt, các hoạt động kinh tế khác và đẩy mạnh các hoạt động khai thác tổng hợp tiềm năng lợi thế công trình, nhằm tạo nguồn thu bền vững cho các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thành lập, củng cố các tổ chức thủy lợi cơ sở; xây dựng mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; xây dựng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phù hợp với đặc thù từng vùng miền.

Tưới cho cây trồng cạn: Thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy áp dụng tưới tiên tiến, tiết

kiệm nước, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho các loại cây trồng chủ lực đang có thị trường ổn định, như: cây cà phê, hồ tiêu, điều, mía, chè, cây ăn quả, rau, hoa, v.v... Xây dựng hoàn thiện các cơ chế, chính sách để khuyến khích, thúc đẩy, tạo động lực ứng dụng rộng rãi khoa học công nghệ để thực hiện tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn.

Thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản: Hướng tới mục tiêu hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp hiệu quả, bền vững ở hai vùng trọng điểm: Khu vực ven biển Trung Bộ, tiếp tục xây dựng các hồ chứa, kết nối các hồ chứa để tạo nguồn nước, xây dựng các hệ thống dẫn nước để cung cấp nước cho các khu công nghiệp, cho dịch vụ, cung cấp nước cho nông nghiệp, kết hợp nuôi trồng thủy sản ở khu vực ven biển gắn với tổ chức lại sản xuất, nuôi trồng thủy sản tiết kiệm nước và xử lý nước sau nuôi; đảm bảo nguồn nước (mặn và ngọt) sạch, chủ động để nuôi thủy sản theo quy trình công nghệ tiên tiến, năng suất cao và an toàn. Đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, áp dụng các giải pháp thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản bền vững, đầu tư hạ tầng để lấy nước chủ động (mặn, ngọt), kết hợp với phương pháp nuôi tiết kiệm nước và có xử lý nước đảm bảo môi trường nước cho các khu vực nuôi thủy sản tập trung, nuôi công nghiệp (trọng tâm là các da trơn và thủy sản nước lợ).

An toàn đập, an toàn công trình thủy lợi: Với mục tiêu bảo đảm an toàn công trình, phục vụ hiệu quả sản xuất, dân sinh, đến năm 2020 cần sửa chữa, nâng cấp 1200 hồ chứa nước xung yếu; đồng thời nâng cao năng lực dự báo (mưa, lũ) phục vụ vận hành hồ chứa theo thời gian thực. Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật hướng dẫn công tác an toàn đập; tổ chức lập, phê duyệt và triển khai thực hiện phương án ứng phó thiên tai đối với công trình thủy lợi. Đẩy mạnh áp dụng khoa học, công nghệ, hợp

tác quốc tế trong quản lý an toàn đập, an toàn công trình thủy lợi, như: công nghệ quan trắc, giám sát đập, công nghệ dự báo, cảnh báo.

Cấp nước sinh hoạt nông thôn: Triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy khu vực tư nhân đầu tư vào nước sạch nông thôn, huy động cộng đồng tham gia xây dựng, quản lý hệ thống cấp nước quy mô nhỏ, đặc biệt hệ thống cung cấp nước sạch ở vùng sâu, vùng xa, biên giới; tăng cường công tác truyền thông; thúc đẩy áp dụng công nghệ xử lý nước phân tán hộ gia đình; tiếp tục tận dụng các nguồn vốn của các tổ chức quốc tế đầu tư cho hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Luật Thủy lợi và văn bản hướng dẫn được ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2018. Để thi hành Luật Thủy lợi đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả, cần tập trung triển khai các hoạt động:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết triển khai Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn. Trong đó quy định lộ trình triển khai, trách nhiệm của các cơ quan liên quan đối với từng nhiệm vụ cụ thể, nguồn kinh phí để các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức thực hiện.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Luật và văn bản hướng dẫn thi hành Luật đến toàn thể cán bộ, người lao động ngành thủy lợi, đến người dân, đến chính quyền các địa phương. Quan tâm đặc biệt tới tuyên truyền các nội dung quy định quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thủy lợi, tăng cường vai trò giám sát của người dân; xã hội hóa công tác thủy lợi; chuyển từ thủy lợi phí sang giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng v.v...

- Bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn ngay từ năm 2018, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

Hoạt động chính đã triển khai thời gian qua, gồm:

- Thủ tướng Chính ban hành Kế hoạch triển

khai thi hành Luật Thủy lợi (Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 26/3/2018);

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủy lợi (Quyết định số 1609/QĐ-BNN-TCTL ngày 09/5/2018);

- Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủy lợi (Quyết định số 154/QĐ-TCTL-PCTTr ngày 15/5/2018); phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về Thủy lợi (Quyết định số 193/QĐ-TCTL-PCTTr ngày 08/6/2018);

- Các đơn vị thuộc Tổng cục Thủy lợi đã xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ chi tiết thuộc lĩnh vực được giao quản lý, để triển khai thi hành Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Tổng cục Thủy lợi đang soạn thảo tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương triển khai thi hành Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn.

- Tổng cục Thủy lợi đã phát hành bản in, đăng

trên các trang thông tin điện tử nội dung Luật, các Nghị định, Thông tư, cũng như kế hoạch triển khai đã được cấp có thẩm quyền ban hành; phổ biến thông tin về Luật Thủy lợi trên chương trình truyền hình, phát thanh, báo chí.

Qua 73 năm phát triển, công tác thủy lợi đã đạt thành tựu to lớn, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tuy nhiên, công tác thủy lợi đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra nhanh và cực đoan, yêu cầu của tái cơ cấu nền kinh tế, tác động khó lường từ phát triển tại các quốc gia thượng nguồn các lưu vực sông, cũng như tác động bất lợi từ hoạt động phát triển nội tại. Luật Thủy lợi là căn cứ pháp lý vững chắc góp phần từng bước giải quyết các tồn tại, thách thức đối với công tác thủy lợi. Thời gian tới cần tập trung nguồn lực triển khai thi hành Luật Thủy lợi, bảo đảm công tác thủy lợi phục vụ, đáp ứng yêu cầu của hoạt động phát triển kinh tế - xã hội tiên tiến, hiện đại trong giai đoạn đổi mới, hội nhập, thích ứng với biến đổi khí hậu./.